

QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO VỀ NGĂN NGỪA BẠO LỰC GIỚI TÍNH

Tiến sĩ EAD Anusha Edirisinghe *
Trần Tiến Khanh dịch

NHẬP ĐỀ

Bạo lực giới tính (Gender Based Violence-GBV) là hiện tượng xã hội phổ biến trên toàn thế giới. Bạo lực giới tính quan trọng vì nó ảnh hưởng đến phụ nữ về thể chất, tâm lý và xã hội trong ngắn hạn cũng như dài hạn. Hiện nay, bạo lực giới tính đang lan rộng nhanh chóng trong xã hội Sri Lanka, đe dọa đời sống của phụ nữ. Theo báo cáo hàng năm của cảnh sát Sri Lanka, nhiều vụ lạm dụng tình dục nghiêm trọng, loạn luân, buôn bán phụ nữ, hiếp dâm và hiếp dâm trong hôn nhân ngày càng tăng trong xã hội dân sự thời gian qua. Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đề cao công tác phòng chống bạo lực giới tính trên thế giới và bình đẳng giới cho người phụ nữ. Sự phát triển của bất kỳ quốc gia nào có thể bị đập tắt bởi bạo lực giới tính trong xã hội. Theo Phật giáo hay bất cứ tôn giáo nào khác, mọi người cần được tôn trọng dựa trên bình đẳng giới tính. Trong tư tưởng Phật giáo, có rất nhiều giới luật ngăn chặn bạo lực giới tính gia đình, xã hội và sở làm. Nếu mỗi người phụ nữ được bình đẳng trong xã hội, điều này chỉ đạo phát triển xã hội, văn hóa, chính trị và kinh tế của xã hội. Bài viết tập trung

(*) Khoa Xã hội học, Đại học Kelaniya, Sri Lanka

vào cách ngăn chặn bạo lực giới tính theo triết lý Phật giáo và phát triển bền vững của xã hội.

Một hành động bởi một cá nhân hay nhóm người, mà kết quả dẫn đến đau đớn thể xác hay tinh thần cho người khác có thể định nghĩa là bạo lực (Mahajan và Madurima, 1995; 17). Nói chung trong xã hội, phụ nữ trở thành nạn nhân của nhiều loại bạo lực giới tính chủ yếu được thực hiện bởi những người đàn ông. Kinh tế xã hội, yếu tố tình dục, tâm lý và pháp lý là những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến bạo lực giới tính. Bạo lực tình dục xảy ra ở mọi quốc gia trên thế giới. Theo hồ sơ của Văn phòng Phụ Nữ và Trẻ Em (Women and Children Bureau) ở Sri Lanka (2000 - 2003) bạo lực giới tính đối với phụ nữ, đặc biệt bạo lực gia đình và các vi phạm tình dục, đang gia tăng nhanh chóng từng ngày.

Hiếp dâm, mại dâm, tội phạm không tự nhiên, lạm dụng tình dục, xuất bản tạp chí khiêu dâm, sản xuất phim khiêu dâm là một số hành vi phạm tội thông thường của bạo lực giới tính đối với phụ nữ. Những hành vi phạm tội trên đã được xác định là tội phạm bởi sửa đổi mới của Bộ luật hình sự năm 1995 và năm 1998 tại Sri Lanka. Tuy nhiên, một số nước không chấp nhận các hoạt động trên là tội ác. Ví dụ Uganda và Philippines chấp nhận mại dâm như một nghề hợp pháp (Joddy 1998; 29) trong khi Sri Lanka coi mại dâm là hành vi phạm tội trong xã hội (Thiranagama, 2003, 05).

Ngoài ra, xuất bản, phân phối, bán và sử dụng tạp chí khiêu dâm cũng được coi như hành vi phạm tội ở nhiều nước. Mặt khác, theo các nhà tội phạm học và tâm lý học, phổ biến ấn phẩm khiêu dâm trong xã hội là một trong những dấu hiệu cảnh báo tình trạng bất ổn ngày càng tăng về tình dục. Báo cáo thường niên của Thái Lan ghi nhận rằng hành vi phạm tội liên quan đến ấn phẩm khiêu dâm trong thời gian 1995 - 1997 đã tăng lên nhanh chóng từ 79 vụ vào năm 1995 đến 1506 vụ năm 1996. Thời gian đó số lượng các vụ giết người sau khi hãm hiếp phụ nữ cũng tăng đáng kể (Quỹ Phụ nữ châu Á năm 2000; 130). Theo kết quả của một số nghiên cứu, nghiện ma túy, rượu và một số bệnh rối loạn tâm thần là những vấn đề thường liên quan với bạo lực giới tính (Mahajan & Madurima, 1995, 30).

Ở nhiều nước, bạo lực giới tính thường được che giấu (Bell và Sylvia, 1990; 67). Trong xã hội Sri Lanka, có rất nhiều bạo lực được che giấu và không được ghi lại do nhiều nguyên nhân. Yếu tố văn hóa xã hội như sự kỳ thị xã hội, gia đình chi phối bởi nam giới, thái độ tiêu cực của phụ nữ trong xã hội, tiềm năng trở thành nạn nhân của bạo lực giới tính trong tương lai, các yếu tố kinh tế như chi phí cho việc nộp đơn thưa kiện, các yếu tố pháp lý như không đủ chứng cứ để chứng minh bạo lực, thời gian dài kết thúc vụ thưa kiện, kinh nghiệm bất lợi của các quyết định tòa án cho phía nạn nhân, và yếu tố khác như sợ ảnh hưởng, đe dọa của người có thể lực chính trị và các tổ chức vv... là những lý do quan trọng để các trường hợp bạo lực không được ghi nhận ở Sri Lanka.

Như một hệ quả của các lý do trên và đặc biệt do sự thay đổi nhanh chóng trong xã hội về kinh tế và văn hóa, bao gồm tác động của việc lưu thông rộng rãi các phương tiện truyền thông hấp dẫn đã tạo điểm yếu của quá trình xã hội hóa, hao mòn các giá trị xã hội, chuẩn mực đạo đức và phát triển xã hội; bạo lực giới tính đối với phụ nữ tăng nhanh qua nhiều cách khác nhau. Mặc dù một vài bước tiến đã được thực hiện bằng cách sửa đổi, thi hành pháp luật và tham gia cần thiết của Cảnh sát, Tòa án để diệt trừ bạo lực giới tính như ở Sri Lanka, ngày này qua ngày khác xã hội đang trở thành một nơi không an toàn cho phụ nữ. Nghiên cứu này liên quan đến tình hình trên bằng cách xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến bạo lực giới tính đối với phụ nữ ở Sri Lanka.

MỤC TIÊU

Mục tiêu chính của cuộc nghiên cứu này là xem xét quan điểm Phật giáo về bạo lực giới tính ở Sri Lanka. Và đặc biệt là nghiên cứu nhằm mục đích

- Nghiên cứu mối quan hệ giữa bạo lực giới tính và phát triển bền vững
- Xác định phương pháp phòng ngừa bạo lực giới tính theo Triết học Phật giáo

PHƯƠNG PHÁP

Nguồn số liệu

Dữ liệu thứ cấp cũng như dữ liệu chính được sử dụng trong nghiên cứu này. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ sách, tạp chí, báo cáo nghiên cứu, báo cáo chính thức, trang web vv... Số liệu chính được thu thập từ 100 người mẫu đã từng là nạn nhân của bạo lực tình dục. Hơn nữa, các thành viên gia đình nạn nhân, 10 nhân viên cảnh sát, 02 thẩm phán, 10 luật sư, 04 cán bộ y tế và 02 tư vấn viên đã được phỏng vấn.

Khu vực nghiên cứu

Khu vực nghiên cứu được chọn gồm 11 đơn vị cảnh sát thuộc Kelaniya ở tỉnh Miền Tây và 13 đơn vị cảnh sát thuộc Rathnapura ở tỉnh Sabaragamuwa, Sri Lanka.

Mẫu nghiên cứu

Tất cả một trăm (100) trường hợp đã được lựa chọn gồm 50 từ khu vực Kelaniya và 50 từ khu vực Rathnapura theo hồ sơ phụ nữ và trẻ em từ Cảnh sát. Các phụ nữ nạn nhân được gặp mặt ban đầu và 01 người trong mỗi khu vực sẵn sàng cung cấp thông tin đã được lựa chọn để phỏng vấn.

Kỹ thuật thu thập dữ liệu

Về cơ bản, dữ liệu được thu thập từ các người mẫu bằng cách sử dụng phương pháp phỏng vấn phi cấu trúc như là nguồn chính của bộ sưu tập dữ liệu chính. Và, phỏng vấn dài lâu đã được thực hiện để điều tra chi tiết hơn. Ngoài ra, phương pháp phỏng vấn chính thức được sử dụng cho các chuyên gia tham dự nghiên cứu.

Nghiên cứu này không gặp người phạm tội. Tuy nhiên, để xác nhận tính xác thực của dữ liệu và để kiểm tra thông tin mẫu với các thông tin của cán bộ cảnh sát, hồ sơ các trường hợp đã được kiểm tra. Bằng cách đó đã có thể thu thập một số thông tin quan trọng về lối sống của người phạm tội như nghiện rượu, ma túy vv... khi phạm tội.

Phương pháp quan sát được sử dụng như một công cụ quan trọng trong khi phỏng vấn và đặc biệt là khi đến thăm một số địa điểm nơi

tội ác xảy ra. Có hai trợ lý nghiên cứu và cố vấn tham gia vào việc thu thập dữ liệu.

Những hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu này giới hạn trong ranh giới lý thuyết và thực nghiệm cụ thể. Đặc biệt, xem xét về lý thuyết các bạo lực tình dục của bạo lực giới tính trong bối cảnh xã hội. Hơn nữa, dựa trên số liệu thống kê tội phạm, nghiên cứu này đã được tiến hành trong hai sở Cảnh sát có bạo lực giới tính cao nhất nước. Ngoài ra nghiên cứu này đặc biệt quan tâm đến các trường hợp hiếp dâm. Khi lựa chọn mẫu, nghiên cứu quan tâm đến phụ nữ đã kết hôn hoặc chưa lập gia đình và trên 18 tuổi.

Khái niệm và nền tảng lý thuyết: định nghĩa bạo lực giới tính

Bạo lực giới tính là khái niệm chính của nghiên cứu này. Nhiều học giả xác định bạo lực giới tính qua nhiều quan điểm khác nhau. Năm 1993, Tuyên bố của Liên hợp quốc về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ đã cung cấp định nghĩa chính thức đầu tiên của bạo lực giới tính.

- Điều 1

Bất kỳ hành động bạo lực giới tính nào mà kết quả có khả năng gây tổn hại về thể chất, tình dục và tâm lý hay khổ đau cho phụ nữ, bao gồm các mối đe dọa của các hành vi đó, cưỡng bức hoặc tước quyền tự do cho dù xảy ra nơi công cộng hay đời tư.

- Điều 2

Điều 2 cho rằng định nghĩa phải bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi bạo lực thể chất, tình dục và tâm lý trong cộng đồng gia đình, hoặc gây ra, hoặc được dung túng bởi chính quyền xảy ra bất cứ khi nào. Những hành vi này bao gồm đánh đập vợ, lạm dụng tình dục, bạo lực liên quan đến của hồi môn, cưỡng bức trong hôn nhân, loạn luân, cắt xén bộ phận sinh dục nữ, ép buộc bán dâm, buôn bán phụ nữ, lạm dụng bạo lực tình dục tại nơi làm việc.

Vào năm 1995 nghị quyết Bắc Kinh đã mở rộng định nghĩa này để bao gồm: vi phạm quyền phụ nữ trong các xung đột vũ trang bao gồm hãm hiếp có hệ thống, nô lệ tình dục, cưỡng bức phá thai, ép buộc bán dâm. Các lỗ hổng đặc biệt của phụ nữ thuộc dân tộc thiểu số được

công nhận: người già và người bị di dời, phụ nữ bản địa, người tị nạn và nhập cư của các cộng đồng sống ở vùng nông thôn nghèo khó hoặc vùng xa, vùng sâu hoặc bị giam giữ.

Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (Millennium Development Goals-MDGs)

Cả hai khái niệm về bạo lực giới tính và phát triển bền vững là những khái niệm liên quan với nhau. MDGs được thành lập theo Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc vào năm 2000. Tất cả các nước Liên Hợp Quốc cam kết đạt MDG vào năm 2015. Các nước đã tuân theo tám mục tiêu. Trong số mục tiêu MDG, bình đẳng giới tính và trao quyền cho phụ nữ là khái niệm quan trọng nhất cho sự phát triển bền vững. Nghiên cứu này tập trung vào trao quyền cho phụ nữ và bạo lực giới tính ở xã hội Sri Lanka. Đây là khái niệm chính trong Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Bình đẳng giới được gọi là bình đẳng nam nữ, có nghĩa là đàn ông và phụ nữ phải được xem bằng nhau, trừ khi có một lý do sinh học chính đáng để phân biệt.

Danh từ Trao quyền được sử dụng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau và bởi nhiều tổ chức khác nhau. Liên Hợp Quốc định nghĩa trao quyền phụ nữ có năm thành phần như cảm giác của phụ nữ về giá trị chính mình, quyền sở hữu và lựa chọn, quyền được tiếp cận với cơ hội và tài nguyên, quyền kiểm soát cuộc sống của mình, cả trong lẫn bên ngoài nhà, khả năng ảnh hưởng đến hướng thay đổi xã hội để tạo ra trật tự xã hội và kinh tế công bằng hơn cho quốc gia và quốc tế ([www.fanpop.com / united nations -definitions](http://www.fanpop.com/united-nations-definitions), 2014/01/01).

Theo các thành phần trên của việc trao quyền cho phụ nữ có nghĩa là phụ nữ có quyền lực mạnh mẽ hơn trong cuộc sống của họ về kinh tế, xã hội, chính trị và pháp lý. Đó là khái niệm rất quan trọng cho sự phát triển bền vững của đất nước. Ý tưởng về quyền lực là gốc rễ của việc trao quyền. Quyền lực có thể được hiểu qua nhiều cách khác nhau.

Quyền trên: sức mạnh này liên quan đến mối quan hệ của thống trị hay lệ thuộc. Cuối cùng, nó được dựa trên mối đe dọa bạo động mà

xã hội chấp nhận. Nó đòi hỏi sự cảnh giác liên tục để duy trì, đòi hỏi sự kháng cự, sinh động và thụ động.

Quyền cho: Quyền lực này liên quan đến quyền quyết định, sức mạnh để giải quyết vấn đề, có thể sáng tạo và cho phép.

Quyền với: Sức mạnh liên quan đến nhiều người được tổ chức với một mục đích chung và sự hiểu biết chung để đạt các mục tiêu tập thể.

Quyền bên trong: Sức mạnh đề cập đến sự tự tin, tự nhận thức và quyết đoán. Nó liên quan đến cách cá nhân nhận ra thông qua phân tích kinh nghiệm của họ, cách quyền lực đã hoạt động trong cuộc sống của họ, đạt được sự tự tin để hành động gây ảnh hưởng và thay đổi điều này. Quyền lực là khái niệm chính của trao quyền. Đặc biệt là trao quyền phụ nữ nên dẫn đến sự giải thoát những người đàn ông khỏi hệ thống giá trị sai trái và ý thức hệ áp bức. Nó nên dẫn đến tình huống mà mỗi người có thể trở thành con người hoàn toàn không phân biệt giới tính, và sử dụng tối đa tiềm năng của họ để xây dựng một xã hội nhân đạo hơn cho tất cả mọi người (Batiwala, 1994; 127-138).

Các hội nghị gần đây của Liên Hợp Quốc ủng hộ trao quyền cho phụ nữ như là trung tâm của sự phát triển. Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển (UNCED) Chương trình nghị sự 21 đề cập đến tiến bộ và trao quyền phụ nữ trong việc ra quyết định gồm có sự tham gia của phụ nữ trong môi trường hệ sinh thái cấp quốc gia và quốc tế. Hội nghị quốc tế về Dân số (ICP) tại Cairo, và Tuyên bố Copenhagen của Hội nghị thế giới thượng đỉnh về Phát triển Xã hội (WSSD) đã đề cập đến trao quyền phụ nữ quan trọng cho phát triển.

Quan điểm Phật giáo về ngăn chặn bạo lực giới tính

Dựa trên các phát hiện của cuộc nghiên cứu, xuất hiện mối quan hệ giữa việc sử dụng ma túy, rượu và tội phạm tình dục. Mặt khác, các thành viên gia đình đã phạm tội ác chống lại người trong gia đình. Hầu hết trường hợp hiếp dâm được báo cáo bên ngoài gia đình cũng như trong gia đình. Triết lý Phật giáo giải thích làm thế nào để ngăn chặn bạo lực đối với con người và động vật. Sila (giới luật Phật giáo) và sáu phương cách có nhiều liên quan đến bạo lực giới tính.

Giới luật Phật giáo dựa trên luật phổ quát của nhân quả. Năm giới được đề ra để điều chỉnh cuộc sống của người dân. Năm giới này có thể được coi ở hai cấp độ như tin tưởng lẫn nhau, tôn trọng người khác và giải thoát mà Đức Phật nhấn mạnh. Ba giới luật sau rất quan trọng cho phòng ngừa bạo lực giới tính trong xã hội.

- 1) Tôi giữ giới không sát sinh.
- 2) Tôi giữ giới không tà dâm.
- 3) Tôi giữ giới không dùng chất làm say hay ma túy

Giới thứ nhất rất quan trọng cho việc kiểm soát sự giận dữ và phát triển lòng từ bi để một người coi và tôn trọng cuộc sống của chúng sinh khác như của chính mình. “*Kamesu Michchacara*” là hành vi tà dâm hay ngoại tình. Hành vi phạm tội là vui thú tình dục với một phụ nữ đang ở dưới sự bảo hộ của cha mẹ, người giám hộ hoặc vợ của người đàn ông khác. Kiêng uống rượu là chỉ tiêu giá trị đối với trật tự xã hội. Tội ác có liên quan đến ma túy đã tăng lên nhanh chóng ở Sri Lanka. Sử dụng các loại thuốc bất hợp pháp và rượu là một trong những lý do chính cho bạo lực giới tính trong gia đình và xã hội. Mọi người nên giữ năm giới để ngăn chặn bạo lực giới tính.

Triết lý Phật giáo hướng dẫn chúng ta làm thế nào để lễ bái sáu phương. Sáu phương được coi là mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội. Kinh Giáo-thọ Thi-ca-la-việt (*Sigalovadha Sutta*) trong *Digha Nikaya* (Trường bộ Kinh của Đức Phật) đã giải thích sáu phương. Trong số các phương hướng, Kinh đề cao trật tự xã hội cũng như trật tự gia đình.

1. Cha mẹ như hướng Đông: con cái nên đối xử với cha mẹ thế nào và bậc cha mẹ nên đối xử với con cái của họ thế nào;
2. Thầy dạy như hướng Nam: học sinh nên đối xử với giáo viên thế nào và giáo viên nên đối xử với học sinh như thế nào;
3. Vợ và con như hướng Tây: người chồng nên đối xử với vợ mình thế nào và người vợ nên đối xử với chồng thế nào;
4. Bạn bè và đồng hành như hướng Bắc: một người nên đối xử với bạn bè của họ thế nào và bạn bè của họ nên đáp lại như thế nào;
5. Người làm và công nhân như hướng dưới: người chủ nên đối

xử với nhân viên của họ thế nào và các nhân viên nên đối xử với chủ thế nào;

6. Tăng sĩ như hướng trên: cư sĩ nên đối xử với các nhà sư thế nào và nhà sư nên đối xử với cư sĩ như thế nào.

Những lời khuyên thiết thực về cách các thành viên gia đình và cộng đồng phải đối xử với nhau có thể được xem như đạo đức tích cực bổ sung cho đạo đức của năm giới, cả hai đều rất quan trọng cho phúc lợi và thịnh vượng của xã hội. Tôn trọng sáu hướng và năm giới là những chỉ tiêu quý giá để thực hiện trật tự xã hội. Những phẩm chất của bình đẳng giới tính được giải thích trong triết lý Phật Giáo. Tất cả mọi người được coi là bình đẳng, và mọi người đều có tự do. Đức Phật Thích Ca bày tỏ nhiều lần tự do của phụ nữ trong xã hội. Mặt khác hai kinh, *Parabhawa Sutta* và *Mangala Sutta*, đề cập đến tổ chức xã hội và công tác phòng chống bạo lực giới tính trong xã hội.

Những câu (129-145) trong kinh Pháp Cú liên quan đến bạo lực (<http://www.buddhanet.net/e-learning/buddhism/dp10.htm>, Truy cập, 2014/01/11). Kinh làm nổi bật tất cả các hình thức bạo lực như bạo lực thể chất và tinh thần bằng lời nói trong xã hội. Kinh Pháp Cú nói “Tất cả sợ bạo lực, tất cả sợ cái chết. Đặt mình trong vị trí người khác, không nên giết cũng không bảo giết” (Pháp Cú 129). “Tất cả sợ bạo lực, tất cả đều quý cuộc sống. Đặt mình trong vị trí người khác, không nên giết cũng không bảo giết. «(Pháp Cú 130). Những câu này trong Kinh Pháp Cú đặc biệt chú ý đến công tác phòng chống bạo lực. Kinh điển Pali nói rõ ràng rằng bạo lực không được chấp nhận ngay cả khi giải quyết các vấn đề xã hội hay dùng làm biện pháp trừng phạt. Bạo lực bị từ chối trong kinh tạng Pali của Phật giáo.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Bối cảnh nhân khẩu học và xã hội của các nạn nhân hiếp dâm

Bảng 02: Nhóm tuổi của nạn nhân

Tuổi	Tỷ lệ phần trăm
18-25	47
26-35	28
36-45	12
46-55	09
56-trên	07
Tổng cộng	100

Tỷ lệ cao nhất (47%) nạn nhân bị hãm hiếp là ở lứa tuổi rất trẻ, nghĩa là từ 18 đến 25. So với tất cả phụ nữ bị cưỡng hiếp, phần lớn có nghĩa là 75% hoặc 3/4 số phụ nữ ở độ tuổi còn trẻ (18 -35). Tuy nhiên, cần biết rằng không chỉ những người phụ nữ lớn hơn 46 tuổi mà phụ nữ ở độ tuổi già hơn 55 tuổi cũng thành nạn nhân hiếp dâm.

Bảng 03: Trình độ giáo dục của nạn nhân

Mức độ giáo dục	Tỷ lệ phần trăm
Thất học	06
Lớp 1-5	15
Lớp 6-9	30
Lớp 10 - O / L	37
Lên đến A / L	06
Bằng tốt nghiệp / Bằng	01
Không trả lời	05

Bảng này cho thấy rằng phần lớn (hơn 50%) số người được hỏi đã không học đến lớp 10. Trong số đó 5% chưa bao giờ đi học. Nói chung có một mối quan hệ giữa trình độ học vấn thấp và nạn nhân của hiếp dâm.

Bảng 04: Tình trạng hôn nhân của nạn nhân

Tình trạng hôn nhân	Tỷ lệ phần trăm
Kết hôn	45
Chưa lập gia đình	50
Góa phụ	03
Đã ly dị	01

Không cho biết	01
Tổng cộng	100

Bảng cho thấy 50% phụ nữ nạn nhân hiếp dâm được bao gồm trong nhóm chưa lập gia đình. Lý do quan trọng cho việc ngày càng tăng con số trên là sự di chuyển của phụ nữ chưa lập gia đình đến các khu đô thị vì việc làm, không có sự quan tâm và bảo mật thích hợp, hành vi bướng bỉnh của họ và dễ bị tổn thương, vấn đề tình ái, vv... Yếu tố đáng chú ý khác là một số cô gái đang làm việc trong ngành may mặc ở các nhà máy có tình yêu. Ban đầu, các cô gái này có thể đồng ý quan hệ tình dục với bạn trai. Nhưng khi cuộc tình đổ vỡ, các cô gái đã báo cảnh sát là bị hiếp dâm. Tuy nhiên, trường hợp này không thể được coi là trường hợp hiếp dâm và hệ thống tư pháp hình sự phải đối mặt với những khó khăn trong tình huống như vậy.

Khi xem xét những hậu quả của các tình huống tạo ra hình ảnh quan trọng đặc biệt liên quan đến các cô gái chưa lập gia đình. Do giá trị và chuẩn mực văn hóa xã hội, tương lai của nạn nhân bị ở trong điều kiện không rõ ràng về hôn nhân, ảnh hưởng thái độ của xã hội về vấn đề trinh tiết vv... Mặt khác, tỷ lệ phần trăm phụ nữ có chồng cũng gần với nhóm chưa lập gia đình. Điều này ngụ ý rằng mối đe dọa bạo lực tình dục không giới hạn ở những phụ nữ chưa lập gia đình.

Ngoài ra, đa số phụ nữ (87,5%) làm việc cho tư nhân, với 33,4% làm việc trong các nhà máy may mặc. Ở lĩnh vực tư nhân, 28,8% làm việc ca đêm. Nghiên cứu này xác định rằng có một mối quan hệ giữa làm việc ca đêm và sự hăi tội phạm bởi nhiều người trong số họ đã sợ làm việc ban đêm. Vì vấn đề thời gian, phương tiện vận chuyển cung cấp cho những cô gái làm ca đêm không đầy đủ. Một số phụ nữ trong sở cảnh sát Kelaniya phải trở thành nạn nhân của bạo lực tình dục vì lý do này. Một phụ nữ cho biết rằng cô đã phải trở thành nạn nhân cho các hoạt động bạo lực tình dục liên tục cho đến khi cô rời khỏi nơi làm việc của mình ở Kelaniya.

Bảng 05: Loại hoạt động tình dục

Loại hoạt động	tỷ lệ phần trăm
Sách nhiễu tình dục	24
Hiếp dâm	69
Lạm dụng tình dục	07
Tổng cộng	100

Bảng này cho thấy, số lượng lớn 69% (gần 3/4) trở thành nạn nhân hiếp dâm. Theo quan điểm lý thuyết của các hoạt động bạo lực tình dục, gần như tất cả các nhà lý thuyết nhấn mạnh rằng hiếp dâm là tội nặng nhất đối với một người phụ nữ. Nạn nhân hiếp dâm phải đối mặt với các vấn đề về thể chất, tinh thần và xã hội trong ngắn hạn cũng như dài hạn thuộc đời sống của họ. Không chỉ họ mà còn người thân của họ cũng phải đối mặt với những hậu quả trực tiếp hoặc gián tiếp các tình huống như vậy.

Yếu tố đáng chú ý khác cần được đề cập ở đây là “loại người phạm tội”. Nghiên cứu cho thấy 59% số người bị buộc tội hiếp dâm được ghi nhận là những người ngoài. Tuy nhiên, đa số người phạm tội bao gồm những người ngoài là những người bạn. Một số là bạn trai. Một số tội phạm hình sự cũng như các lý thuyết xã hội học chấp nhận bạn bè thân thiết có xu hướng làm việc như vậy. Cũng có nhiều bằng chứng thực nghiệm trong bối cảnh thực tế. Ví dụ, hồ sơ cảnh sát Úc vào năm 2006 chỉ ra rằng hầu hết bạn bè của nạn nhân bị buộc tội cưỡng hiếp. Nghiên cứu này cũng cho thấy kết quả tương tự. Ngoài ra, 10% được ghi nhận là thân nhân của nạn nhân. Con số này cho thấy ngay cả thành viên gia đình cũng không đáng tin cậy để bảo vệ phụ nữ trong một số trường hợp.

Bảng 06: Loại hiếp dâm

Số người tham dự	Tỷ lệ phần trăm
Một người	71%
Hai hoặc nhiều hơn (hiếp dâm tập thể)	29%
Tổng cộng	100%

Cường độ bạo lực có thể xem xét theo số lượng người tham dự. Chủ yếu trong trường hợp này là nạn nhân đã bị trọng thương. Do đó, nhiều quốc gia, kể cả pháp luật Sri Lanka xem đó là «tội nghiêm trọng». Nghiên cứu cho thấy 29 người trả lời là nạn nhân hãm hiếp, trong đó có 10 phụ nữ đã bị hãm hiếp bởi hai người, 14 phụ nữ bởi 2-5 người và 05 phụ nữ là nạn nhân của một nhóm 05 người. Số còn lại của các trường hợp hiếp dâm (71) là do một người. Một trong những trường hợp là cưỡng bức hôn nhân khi cô bị hãm hiếp bởi người chồng đã ly dị. Tuy nhiên, yếu tố quan trọng tìm thấy ở đây là thời gian để tố cáo tội phạm bởi một người lâu hơn hãm hiếp tập thể.

Ảnh hưởng của môi trường

Khi xem xét mối quan hệ của xu hướng hiếp dâm so với tình trạng đô thị / nông thôn, nghiên cứu cho thấy ở sở cảnh sát Kelaniya, đa số trường hợp xảy ra trong khu vực tiểu đô thị đặc biệt là xung quanh khu thương mại tự do Biyagama. Tuy nhiên, ở Rathnapura, nhiều trường hợp được ghi nhận từ các khu vực nông thôn như Kalawana, Nivithigala và Embilipitiya. Yếu tố môi trường, chẳng hạn trong khu vực bị cô lập, khoảng cách xa giữa hai ngôi nhà, ngôi nhà biệt lập nằm trong vườn cao su, vườn trà, và vườn vắng vẻ vv... là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến các trường hợp hiếp dâm đã được xác định.

Bảng 07: Nơi tội phạm xảy ra

Nơi chốn	Tỷ lệ phần trăm
Ra khỏi nhà	56%
Ở nhà	44%
Tổng cộng	100

Phần lớn số người được hỏi đang làm trong các ngành nghề. 70% phải thành nạn nhân hiếp dâm khi ra khỏi nhà. Tỷ lệ đó đã xảy ra tại nơi làm việc của họ, trên đường về nhà sau khi rời khỏi sở làm, trong các khách sạn và nhà nghỉ vv... Một số nạn nhân bị đưa tới khách sạn bằng vũ lực.

Bảng 08: Thời gian của tội phạm

Thời gian	Tỷ lệ phần trăm
Buổi sáng	14%
Buổi chiều	45%
Đêm	41%
Tổng cộng	100%

Kết quả nghiên cứu cho thấy phụ nữ bị hiếp dâm trong đêm cũng như buổi chiều và không có sự khác biệt đáng kể về thời gian. Tuy nhiên, số lượng phụ nữ bị hãm hiếp trong buổi sáng là ít nhất. Hơn nữa, đáng chú ý là không có mối quan hệ giữa thời gian và xã hội, các yếu tố môi trường, tâm lý và an ninh để ảnh hưởng đến cả hai bên, nạn nhân và người phạm tội.

Sử dụng rượu và ma túy

Các báo cáo của cảnh sát xác nhận rằng tất cả phạm nhân bị buộc tội hãm hiếp tập thể, 52% số người phạm tội một mình đã uống rượu khi phạm tội. Ngay cả khi trường hợp loạn luân xảy ra, các thành viên gia đình cũng đã uống rượu. Không chỉ rượu mà ma túy như thuốc heroin cũng liên quan tới trường hợp hiếp dâm. Ví dụ, trong hai trường hợp, người bị tố cáo nghiện thuốc heroin. Vì vậy, nghiên cứu này xác định rõ rằng môi trường, thời gian và sử dụng rượu hoặc ma túy có mối quan hệ gần gũi với trường hợp hiếp dâm.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy 69% phụ nữ thành nạn nhân hiếp dâm trong khi 24% phải đối mặt với sách nhiễu tình dục và phần còn lại 07% là lạm dụng tình dục. Từ đó, 59% trường hợp, người phạm tội là những người bên ngoài. Tuy nhiên, phần lớn là bạn trai của nạn nhân. Yếu tố đáng chú ý là mặc dù con số này tương đối ít trong số người bên ngoài, thì 10% người phạm tội là thành viên gia đình. Hơn nữa, 44% trường hợp hiếp dâm đã xảy ra trong nhà của nạn nhân. Theo đó, những con số này cho biết thậm chí nhà riêng cũng không phải là nơi an toàn cho phụ nữ.

Đa số (47%) các nạn nhân trong lứa tuổi 18 -25. Không có sự khác biệt lớn giữa tình trạng hôn nhân, 50% phụ nữ có gia đình và 47% phụ nữ chưa lập gia đình đã bị hiếp dâm. Một thực tế quan trọng là tỷ lệ lớn số người được hỏi chỉ có giáo dục ở mức tối thiểu.

Yếu tố môi trường ảnh hưởng lớn đến các tội phạm như vậy. Xem xét nơi tội phạm xảy ra cho biết nhiều nơi bị cô lập. Vì vậy, vị trí nơi cư trú, tham gia vào làm việc ban đêm và di chuyển khó khăn, an ninh không đúng ngay cả ở nhà vv... là một số yếu tố quan trọng đối với các trường hợp hiếp dâm. Ngoài ra, khi phụ nữ bị cưỡng hiếp, 52% bọn tội phạm đã uống rượu hoặc dùng ma túy. Đặc biệt, trong trường hợp hãm hiếp, tất cả các bị can đã uống rượu.

Bạo lực giới tính là hiện tượng phổ biến nhất ở Sri Lanka và quốc gia khác. Cảnh sát Sri Lanka cho biết bạo lực tình dục và các bạo lực nghiêm trọng gia tăng ở tất cả các quận huyện Sri Lanka. Vì sử dụng rượu và ma túy, toàn cầu hóa, di cư từ nông thôn ra đô thị, các yếu tố văn hóa xã hội khác là gốc chính của bạo lực giới tính trong xã hội. Tình huống này liên quan trực tiếp đến phát triển bền vững. Gia đình bình an và xã hội hòa bình ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của phụ nữ. Do đó tất cả mọi người phải tôn trọng tự do của người khác trong xã hội. Bất kỳ người nào theo chỉ tiêu của Phật giáo đều hỗ trợ cho sự phát triển xã hội. Sau khi ngăn ngừa bạo lực giới tính, người phụ nữ có thể sống và làm việc ở bất kỳ nền văn hóa xã hội nào.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Asian Women's Fund, (2000), Expert Meeting, Women and Legal Justice, No.19 &20, Hokone, Japan. (Quý Phụ Nữ Á Châu, 2000, Hội nghị chuyên gia, phụ nữ và pháp luật).
- Batiwala S.,(1994),The Meaning of Women's Empowerment :New Concepts from Action, Population policies reconsidered : Health,Empowerment and Rights, Harvard University Press, Boston. (Ý nghĩa của trao quyền cho phụ nữ: Các khái niệm mới từ hành động, chính sách dân số xem xét lại: Y tế, trao quyền và quyền).
- Bell J. Daniel &StalnakerD.Sylvia, (1990), Police Referrals of Family Violence, A Texas Family Code Process Assessment, Police Studies,Vol.13, No.2, Summer, The International Review of Police Department, Anderson Publishing Company, U.S.A. (Báo cáo Cảnh sát bạo lực gia đình)
- Joddy Miller,(1998), The Sex Sector, The Economic and Social Bases of Prostitution in South East Asia, International Labour Office. (Ngành Mại Dâm, Các căn bản kinh tế và xã hội của mại dâm ở Đông Nam Á).
- Mahajan Amarajith&Madurima, (1995),Family Violence and Abuse in India,Deep & Deep Publication, New Delhi. (Bạo lực và Lạm Dụng trong Gia đình ở Ấn Độ)
- Penal Code Amendment (1995) & (1998),Sri Lanka Government Printing, Sri Lanka. (Sửa đổi Bộ Luật Hình Sự).
- TiranagamaKalyananda,(2003), Trafficking of Women and Children for Sexual Exploitation and Employment in Exploitative, Women's Desk of the Lawyers for Human Rights and Developments, No 01, Magazine of Kantha,Kotte Rd, Borella. (Buôn bán phụ nữ và trẻ em để bóc lột tình dục và việc làm)
- he United Nations Fourth World Conference on Women,(1995), September, Action for Equality Development and Peace,Beijing. China. (Liên Hiệp Quốc Hội nghị lần thứ tư thế giới về phụ nữ,

Hành động về Bình đẳng phát triển và Hòa Bình)
UN Declaration on the Elimination of Violence against Women, (1993).
(Tuyên bố của Liên hợp quốc về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ).
Women and Children Bureau in Sri Lanka (2000-2003), Sri Lanka
Police Department Sri Lanka. (Văn phòng Phụ nữ và Trẻ em tại
Sri Lanka),

Các trang Web truy cập

www.fanpop.com/united Nations, Accessed 10.01.2014.

<http://www.un.org/millenniumgoals/summitstroy.shtml>, Accessed, 10.01.2014.

<http://www.buddhanet.net/e-learning/buddhism/dp10.htm>, Buddhadarma Education Association, Accessed, 11.01.2014